

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 139: Cuồng Tánh Tự Nghi, Nghi Tức Bồ Đề

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 009)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



Kinh văn nói: “Cuồng tánh tự nghi, nghi tức Bồ Đề” (*).

Đây cũng là điều được giảng trong “Kinh Lăng Nghiêm”. Cuồng tâm chính là vọng tưởng, chính là vọng niệm. Vọng niệm, phàm phu thì vọng niệm không ngưng nghỉ, vọng niệm rất nhiều, đó gọi là phàm phu. Nếu như cái vọng tưởng này không còn nữa, ngưng nghỉ rồi, thì đó gọi là Bồ Đề.

Có thể thấy rằng cuồng tâm cùng với Bồ Đề là một không phải hai. Cuồng tâm là sóng, Bồ Đề là nước, là cùng một sự việc, chẳng phải là hai việc khác nhau. Đây là điều chúng ta bắt buộc phải hiểu rõ. Vì thế, sự dụng công tu hành chân chánh là ở đâu?

Chúng ta tu “Chân” ngay tại chỗ “Vọng”. Chúng ta tu tâm thanh tịnh ngay tại nơi ô nhiễm. Chúng ta tu tâm bình đẳng ngay tại những cảnh giới cực kỳ bất bình đẳng, chính là ngay tại nơi này. Chúng ta tu tâm từ bi, là ngay tại những chỗ chẳng có tâm từ bi, phải tu ngay ở trong đó.

Gạt bỏ những cảnh giới này ra, bạn đi đến đâu để tu? Không có, không có cái “Chân”! Chân ở tại chỗ Vọng, Giác ở tại chỗ Mê, Chánh ở tại chỗ Tà, Tịnh ở tại chỗ Nhiễm. Đây là trí huệ chân thật, đây là phương pháp dạy chúng ta dụng công chân chánh, chỗ thọ dụng chân thật là ở ngay nơi này, không được hiểu sai ý nghĩa.

Trong các kinh điển Đại Thừa, những lời khai thị như vậy của Thế Tôn rất nhiều, rất nhiều. Tuy ngôn ngữ không tương đồng, danh tướng sử dụng không giống nhau, nhưng chỉ thú (ý chỉ) thì không có sai khác. Ở trong Kinh Kim Cang: “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (Nên không có chỗ trụ, mà sanh tâm kia), “*Ung sanh vô sở trụ tâm, nhi hành bố thí*” (Nên sanh tâm không có chỗ trụ, mà thực hành bố thí), đều là ý nghĩa này cả.

Cho nên người xưa nói, đọc nhiều kinh Đại Thừa có thể khai mở trí huệ. Đọc nhiều là thế nào? Là giữa kinh này với kinh kia có thể chú giải cho nhau, không cần dùng các giải thích khác, gọi là “dùng kinh giải kinh”. Xem nhiều rồi, bạn sẽ tự minh bạch, hội thông, viên dung quán thông.

Những năm đầu Dân Quốc, Cư sĩ Đinh Phúc Bảo là một vị đại đức trong hàng cư sĩ tại gia học Phật, ông cống hiến cho Phật giáo rất nhiều. Ông cũng biên soạn không ít các bộ chú giải, đều gọi là “Tiên Chú” (Ghi chép chú giải). Phương pháp mà ông sử dụng đều là dùng kinh văn để chú giải cho kinh văn, ông “dùng kinh chú kinh”, không dùng ý riêng của mình, đều là trích dẫn kinh này nói thế nào, kinh kia nói ra sao, vị Tổ sư này nói thế nào, vị Đại đức kia nói ra sao, không hề dùng một chút ý riêng nào của bản thân. “Dùng kinh chú kinh”, cho nên bộ Tiên Chú đó của ông cũng là tài liệu tham khảo rất tốt. Những sách này ở Đài Loan đều có lưu thông, không khó để tìm được, tôi nghĩ thư viện bên này của chúng ta nhất định là có, đây là một phương pháp chú giải.

Tuy nhiên người sơ học nhất định phải hiểu rõ, đầu tiên cần phải “một môn thâm nhập”, nhất định phải ở trên một bộ kinh mà xây dựng nền tảng thâm sâu, sau đó bạn đọc các kinh luận Đại Thừa mới có thể “xúc loại bàng thông” (từ một việc mà suy ra biết nhiều việc khác). Nếu như bạn không có nền tảng, bạn xem càng nhiều sẽ càng loạn. Nó không thể hội thông được, càng xem càng loạn, càng xem càng mất niềm tin. Phật ở trên kinh này nói cách này, ở trên kinh kia lại nói cách kia, rốt cuộc cách nói nào mới đúng? Chốc lát Ngài giảng cái này là “Không”, chốc lát Ngài giảng là “Có”, rốt cuộc là Không hay là Có? Ngược lại sanh tâm hoài nghi Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời không nhất quán, vậy thì hỏng rồi, bạn đã hoàn toàn hiểu sai ý của Phật.

Cho nên, nhất định phải ở trên một bộ kinh mà xây dựng nền tảng thâm sâu, sau đó xem tất cả các kinh mới có sự thọ dụng, mới có thể “xúc loại quán thông”, sẽ không hiểu sai ý Phật. Đây là người học Phật thời nay, quả thật ở chỗ này, đều không chịu ở trên một bộ kinh mà dốc toàn tâm toàn lực hạ thủ công phu, cho nên người thế hệ này của chúng ta không sánh bằng người xưa. Ngay cả những bậc Đại đức xuất gia, tại gia thời đầu Dân Quốc, chúng ta cũng không sánh bằng. Cư sĩ Giang Vị Nông, Cư sĩ Đinh Phúc Bảo, vì sao các ngài có thể thành tựu? Vì nền tảng của các ngài vô cùng thâm sâu, có cái gốc Nho gia thâm hậu, lại có nền tảng Phật pháp vững chắc, cho nên họ mới có thể thành tựu. Cái nền tảng này đều là bắt tay từ việc “học thuộc lòng”, nếu như không chịu học thuộc lòng, bạn muốn cầm cái rế cho vững thì rất khó, rất khó! Người hiện nay

đều không thích học thuộc lòng, không thích đọc sách, điều này rất nguy hại, họ không biết được lợi ích của việc học thuộc lòng.

Trong cửa Phật chúng ta, tôi chỉ thấy ở Hồng Kông có một vị Lão Pháp sư, Ngài dạy học trò vẫn dùng phương pháp cũ. Tôi xem thấy rồi rất khâm phục, tôi đặc biệt đến đánh lễ. Đó là Lão Hòa thượng Hải Nhân, Ngài vãng sanh năm 1980, lúc đó Ngài hơn chín mươi tuổi. Khi tôi đến thăm Ngài, Ngài đã 95 tuổi, sang năm thứ hai thì Ngài vãng sanh. Ở Hồng Kông, Ngài được xưng tụng là “Thủ Lãng Nghiêm Vương”, bởi vì Ngài chuyên tu Lãng Nghiêm, chuyên giảng Lãng Nghiêm. Bởi vì lúc đó tôi đến Hồng Kông, họ cũng mời tôi giảng Kinh Lãng Nghiêm. Tôi là hàng hậu học, đến tham vấn Lão Pháp sư.

Lão Pháp sư chỉ có sáu người học trò. Sáu người học trò này không những phải thuộc lòng Kinh Lãng Nghiêm, mà còn phải thuộc lòng cả Chú giải. Kinh và Chú giải thầy đều phải thuộc lầu lầu, Ngài mới nhận làm học trò. Cái ngưỡng cửa này rất cao, cho nên chỉ có sáu học trò, nhưng thực sự có thành tựu. Dạy học Phật pháp nhất định phải như vậy mới có thể cấm rễ.

Hiện nay các Phật học viện, rất nhiều Phật học viện, bây giờ cũng không có Phật học viện nào mời tôi dạy học. Trước kia còn có Phật học viện đến tìm tôi, tôi không dám đi, bởi vì tôi cũng chịu ảnh hưởng của Thầy giáo. Người giới thiệu Phật pháp cho tôi là Tiên sinh Phương Đông Mỹ, đó là một người Thầy tốt. Tiên sinh Phương thường hay nói với tôi, Thầy dạy học ở Đại học Đài Loan là sống cho qua ngày, Thầy nói là “làm lỗ dờ con em người của khác”. Một học giả như vậy, đạo đức học vấn thật đáng cho người ta khâm phục, mà còn nói là làm lỗ dờ con em của người khác; thực tình mà nói, Thầy chẳng phải làm lỗ dờ con em, mà là học sinh không chịu nghe, học sinh không chịu tiếp nhận sự dạy bảo; chúng tôi nghe xong rất cảm động. Nếu như dạy dỗ học sinh mà học sinh không thể thực sự đạt được lợi ích, không thể khai ngộ, thì làm sao xứng đáng với học sinh! Học sinh không nghe lời, thì tôi đành phải không dạy, rút lui thôi.

Hôm nay thời gian đã hết, xin giảng đến đây.

Chú thích:

(*)

□ **“Cuồng tánh” (狂性):** Lão Hòa thượng giảng rằng “Cuồng tâm chính là vọng tưởng, chính là vọng niệm”. Chúng sanh vì vọng niệm khởi lên liên tục, không bao giờ ngưng nghỉ, nên mới bị gọi là phàm phu.

□ **“Tự nghỉ” (自歇):** Chữ “Nghỉ” ở đây dịch từ chữ “Hiết” (歇) trong chữ Hán, nghĩa là dừng lại, ngưng bật. Ý nói khi cái tâm vọng tưởng, phân biệt lăng xăng đó dừng lại.

□ **“Nghỉ tức Bồ Đề” (歇即菩提):** Ngay tại chỗ cái tâm vọng tưởng đó dừng lại, thì đó chính là Bồ Đề (Trí huệ giác ngộ). Không cần phải đi tìm Bồ Đề ở đâu khác.